

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ XÂY DỰNGCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / SXD-KHTC

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

V/v xây dựng Đề án quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng.

ĐỀ ÁN**Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng**

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 148/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 148/2016/NQ-HĐND, gồm: Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017, Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021, Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022;

Theo đề nghị của ... tại Văn bản số ... ngày ... và chỉ đạo của UBND thành phố tại Văn bản số ... ngày ... về việc;

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ**1. Cơ sở pháp lý**

- Khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh quy định: “Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Hải Phòng...”;

- Khoản 1 Điều 21 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền; tại điểm 1 Mục II Phần A Danh mục phí ban hành kèm theo Luật quy định phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu (trong đó có cửa khẩu cảng biển) thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Điểm b khoản 3 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cơ chế, chính sách, biện pháp liên quan đến tài chính, ngân sách địa phương; quyết định về phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;

- Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) quy định cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ văn bản đó;

- Điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết các nội dung được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

- Điểm b khoản 20 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15 quy định trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới thì các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của các đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản mới hoặc quyết định việc tiếp tục áp dụng hoặc bãi bỏ các văn bản hiện hành;

- Điểm e khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;

- Điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định khi đề xuất mức thu, miễn, giảm phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thì cơ quan chuyên môn phải xây dựng Đề án làm căn cứ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Quyết định số 30/QĐ-TTHĐND ngày 08/06/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13, Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng đã ban hành Nghị quyết số 148/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng; sau đó tiếp tục ban hành các nghị quyết sửa đổi, bổ sung gồm Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017, Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 và Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022.

Qua quá trình triển khai thực hiện, chính sách thu phí hạ tầng cảng biển đã được tổ chức thực hiện ổn định, từng bước hoàn thiện về đối tượng áp dụng, mức thu, phương thức thu, quản lý và sử dụng nguồn thu. Nguồn thu từ phí đã góp phần bổ sung nguồn lực cho ngân sách thành phố để đầu tư, nâng cấp, duy tu, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông kết nối cảng biển và các công trình, dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển.

Kết quả thực hiện trong thời gian qua cho thấy chính sách thu phí cơ bản phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, khả năng đóng góp của tổ chức, cá nhân nộp phí và yêu cầu tạo nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Thành phố đã thường xuyên rà soát, điều chỉnh chính sách nhằm phù hợp với tình hình thực tế, hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Tuy nhiên, các nghị quyết hiện hành được ban hành trong các thời kỳ khác nhau, trên cơ sở các căn cứ pháp lý và điều kiện thực tiễn khác nhau. Đến nay, một số quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương, ngân sách nhà nước, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quản lý phí, lệ phí đã có sự thay đổi. Đồng thời, việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội đặt ra yêu cầu rà soát, thống nhất các quy định đang áp dụng trên địa bàn thành phố Hải Phòng mới.

Do đó, việc xây dựng Đề án làm cơ sở để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết mới thay thế các nghị quyết hiện hành là cần thiết nhằm hợp nhất các quy định còn phù hợp, cập nhật đầy đủ căn cứ pháp lý, bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thực hiện, đồng thời duy trì sự ổn định của chính sách thu phí hạ tầng cảng biển trong giai đoạn tiếp theo.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ, việc đề xuất mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải được xây dựng trên cơ sở Đề án. Vì vậy, việc xây dựng Đề án là cần thiết, làm căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định ban hành Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Mục đích xây dựng Đề án

- Cụ thể hóa yêu cầu hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội.

- Làm cơ sở để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng theo quy định của pháp luật.

- Hợp nhất các quy định còn phù hợp tại các nghị quyết hiện hành; rà soát, cập nhật căn cứ pháp lý và hoàn thiện quy định nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong áp dụng trên địa bàn thành phố Hải Phòng mới.

- Tiếp tục thực hiện chính sách thu phí ổn định, tạo nguồn lực cho ngân sách thành phố phục vụ đầu tư, quản lý, duy tu, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao

thông kết nối cảng biển và các công trình, dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển.

2. Quan điểm xây dựng Đề án

- Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về phí và lệ phí, ngân sách nhà nước, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

- Kế thừa các nội dung còn phù hợp của các nghị quyết hiện hành; đồng thời rà soát, cập nhật các quy định pháp luật mới để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

- Tiếp tục áp dụng mức thu phí đang thực hiện; không làm phát sinh nghĩa vụ tài chính mới đối với tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí; bảo đảm tính ổn định của chính sách và tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp; sử dụng nguồn thu phí hiệu quả, góp phần phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển, dịch vụ logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố.

Việc xây dựng Đề án được thực hiện trên cơ sở tổng kết quá trình thực hiện chính sách, đánh giá kết quả đạt được và các số liệu thực tế; bảo đảm tính khách quan, khả thi và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THU PHÍ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN HIỆN HÀNH

1. Quá trình triển khai thực hiện chính sách thu phí

Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng được triển khai thực hiện từ năm 2017 trên cơ sở Nghị quyết số 148/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng và các nghị quyết sửa đổi, bổ sung trong quá trình thực hiện.

Trong quá trình triển khai, Hội đồng nhân dân thành phố đã từng bước rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các quy định về mức thu, đối tượng áp dụng, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động xuất nhập khẩu, vận tải hàng hóa qua cảng biển và yêu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông kết nối cảng biển.

Chính sách thu phí được tổ chức thực hiện ổn định, liên tục; phương thức thu phí từng bước được hoàn thiện theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường trao đổi, đối soát dữ liệu, thực hiện thanh toán điện tử, nâng cao tính công khai, minh bạch và tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ nộp phí.

2. Kết quả thực hiện chính sách thu phí

Sau 09 năm triển khai thực hiện, chính sách thu phí hạ tầng cảng biển đã được tổ chức thực hiện ổn định, liên tục, cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và mục tiêu đề ra khi xây dựng chính sách.

Công tác thu phí được triển khai theo đúng quy định; đối tượng chịu phí, mức thu, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng phí từng bước được hoàn

thiện qua các lần sửa đổi, bổ sung nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố. Việc tổ chức thu phí cơ bản bảo đảm công khai, minh bạch, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ nộp phí.

Kết quả thu phí qua các năm cơ bản phù hợp với tình hình phát triển hoạt động xuất nhập khẩu, sản lượng hàng hóa thông qua khu vực cảng biển Hải Phòng và các điều kiện thực tế của thành phố. Nguồn thu phí duy trì ổn định, không phát sinh những vấn đề lớn trong quá trình tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, thành phố đã thường xuyên rà soát, đánh giá chính sách, kịp thời điều chỉnh, bổ sung một số nội dung nhằm phù hợp với tình hình thực tế, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đồng thời bảo đảm yêu cầu tạo nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển.

(Chi tiết kết quả thực hiện thu phí giai đoạn 2017–2025 được tổng hợp tại Báo cáo kết quả thực hiện chính sách thu phí hạ tầng cảng biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng, gửi kèm theo Đề án để làm cơ sở đánh giá tình hình thực hiện chính sách).

Nhìn chung, chính sách thu phí hiện hành đã được triển khai ổn định, phù hợp với điều kiện thực tế; các nội dung về mức thu, đối tượng áp dụng, miễn giảm phí, phương thức thu và quản lý nguồn thu có tính khả thi, là cơ sở để tiếp tục kế thừa và hoàn thiện trong Nghị quyết mới của Hội đồng nhân dân thành phố.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐỀ ÁN

(Theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ)

1. Tên Đề án

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng.

2. Phương thức thu, nộp phí

Tiếp tục thực hiện các phương thức thu, nộp phí đang được áp dụng, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ nộp phí, bao gồm:

Thanh toán chuyển khoản;

Thanh toán thông qua Cổng thanh toán điện tử của cơ quan Hải quan;

Thanh toán theo hình thức ký quỹ;

Nộp phí định kỳ theo tháng;

Các hình thức thu phí khác theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, tiếp tục khuyến khích áp dụng phương thức thu, nộp phí điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch, giảm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính và nâng cao hiệu quả quản lý thu phí.

3. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Đề án quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng.

b) Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa tạm nhập - tái xuất, hàng chuyển khẩu, hàng gửi kho ngoại quan, hàng quá cảnh có sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng;

Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa tạm nhập - tái xuất, hàng chuyển khẩu, hàng gửi kho ngoại quan, hàng quá cảnh mở tờ khai hải quan tại các địa phương khác nhưng thực hiện thủ tục tái xuất, chuyển cửa khẩu tại các Chi cục Hải quan thuộc địa bàn quản lý của cơ quan Hải quan có thẩm quyền tại Hải Phòng;

Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua các cửa khẩu cảng biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Các trường hợp loại trừ: Đối với hàng tạm nhập - tái xuất chỉ thu phí đối với hàng hóa từ nước ngoài tạm nhập khẩu vào Việt Nam để xuất đi nước khác, không thu phí đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 48 Luật Hải quan năm 2014. Đối với kinh doanh hàng gửi kho ngoại quan chỉ thu phí đối với trường hợp hàng từ nước ngoài gửi vào kho ngoại quan để chờ xuất sang nước khác theo Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu; các trường hợp khác không thu phí.

4. Mức thu và căn cứ xây dựng mức thu

a) Nguyên tắc xây dựng mức thu

Mức thu phí được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc:

- Kế thừa mức thu đang được thực hiện theo các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng đã ban hành;
- Bảo đảm tính ổn định, liên tục của chính sách, không làm phát sinh nghĩa vụ tài chính mới đối với tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí;
- Bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về phí và lệ phí, khả năng đóng góp của tổ chức, cá nhân nộp phí và yêu cầu quản lý thu;
- Bảo đảm nguồn lực phục vụ đầu tư, quản lý, duy tu, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông kết nối cảng biển và các công trình, dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển.

b) Căn cứ xây dựng mức thu

Mức thu phí được xây dựng trên cơ sở:

- Quy định của pháp luật về phí và lệ phí, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định pháp luật có liên quan;
- Kết quả thực hiện chính sách thu phí hạ tầng cảng biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong giai đoạn 2017–2025;

- Các quy định về mức thu, đối tượng áp dụng, chế độ quản lý thu phí đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành tại Nghị quyết số 148/2016/NQ-HĐND và các nghị quyết sửa đổi, bổ sung có liên quan;

- Yêu cầu tiếp tục tạo nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển, đồng thời bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Đề xuất mức thu

Trên cơ sở tổng kết quá trình thực hiện chính sách, Đề án đề xuất tiếp tục áp dụng mức thu phí đang được thực hiện đối với các nhóm hàng hóa thuộc đối tượng chịu phí.

Mức thu cụ thể:

- Đối với hàng tạm nhập tái xuất, hàng chuyển khẩu, hàng gửi kho ngoại quan (trừ trường hợp hàng chuyển khẩu quy định tại khoản 2 Điều 89 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính):

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức phí
1	Container 20 feet hàng khô	đồng/cont	2.200.000
2	Container 40 feet hàng khô	đồng/cont	4.400.000
3	Container 20 feet hàng lạnh	đồng/cont	2.300.000
4	Container 40 feet hàng lạnh	đồng/cont	4.800.000
5	Đối với hàng lỏng, hàng rời	đồng/tấn	50.000

- Đối với hàng quá cảnh, hàng chuyển khẩu quy định tại khoản 2 Điều 89 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức phí
1	Container 20 feet	đồng/cont	500.000
2	Container 40 feet	đồng/cont	1.000.000
3	Hàng đóng trong Container nhưng nhiều chủ hàng (đóng ghép)	đồng/tấn	50.000
4	Hàng rời (không đóng trong Container)	đồng/tấn	2.000

- Đối với hàng hóa nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức phí
1	Container 20 feet	đồng/cont	250.000
2	Container 40 feet	đồng/cont	500.000
3	Hàng lỏng, hàng rời	đồng/tấn	16.000

d) Miễn, giảm phí

Trên cơ sở tổng kết quá trình thực hiện chính sách thu phí, Đề án tiếp tục kế thừa các quy định về miễn, giảm phí đã được Hội đồng nhân dân thành phố ban hành và đang thực hiện, bảo đảm tính ổn định, liên tục của chính sách, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Các trường hợp miễn, giảm phí tiếp tục áp dụng như sau:

- Miễn thu phí: Miễn thu phí đối với hàng hóa nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu là hàng hóa phục vụ nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; hàng hóa viện trợ, cứu trợ nhân đạo.

- Giảm phí: Giảm 50% mức thu phí đối với hàng hóa của đối tượng nộp phí khi vào cảng và rời cảng bằng phương tiện thủy nội địa hoạt động trên các tuyến đường thủy theo quy định.

Việc tiếp tục áp dụng các trường hợp miễn, giảm phí nêu trên nhằm bảo đảm sự hài hòa giữa yêu cầu tạo nguồn lực cho ngân sách thành phố để đầu tư, duy tu, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông kết nối cảng biển với mục tiêu hỗ trợ các hoạt động vận tải phù hợp với chủ trương phát triển vận tải thủy nội địa, giảm áp lực giao thông đường bộ và nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống logistics của thành phố.

Các trường hợp miễn, giảm phí được thực hiện theo đúng đối tượng, phạm vi, điều kiện và mức miễn, giảm quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và các quy định pháp luật có liên quan.

e) Thời gian áp dụng

Mức thu phí quy định tại Nghị quyết được áp dụng từ ngày 01/01/2027.

Việc áp dụng từ đầu năm tài chính nhằm bảo đảm tính ổn định, minh bạch của chính sách; tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Cơ quan thu phí

Ủy ban nhân dân thành phố quyết định lựa chọn cơ quan, đơn vị tổ chức thu phí bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về phí và lệ phí, điều kiện thực tế của thành phố và yêu cầu quản lý, tổ chức thực hiện.

Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm công khai, minh bạch, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ nộp phí.

6. Quản lý, sử dụng phí và nguyên tắc bố trí kinh phí phục vụ công tác tổ chức thu phí

Việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ công tác tổ chức thu phí thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Kinh phí phục vụ công tác tổ chức thu phí được bố trí trên cơ sở yêu cầu thực tế của công tác quản lý thu, bao gồm các nhiệm vụ tổ chức thu, quản lý dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin, kiểm tra, đối soát và hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ nộp phí.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền ban hành cơ chế tài chính riêng đối với khoản phí này thì thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

7. Dự kiến nguồn thu

Nguồn thu phí được xác định trên cơ sở sản lượng hàng hóa thuộc đối tượng chịu phí, mức thu phí tương ứng đối với từng nhóm hàng hóa và các trường hợp không thu, miễn, giảm phí theo quy định.

Căn cứ số liệu thực tế về sản lượng hàng hóa thông qua khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng và kết quả thực hiện thu phí trong giai đoạn 2017 - 2025, dự kiến số thu phí bình quân hằng năm trong thời gian thực hiện Đề án mới khoảng **1.471 tỷ đồng/năm**.

(Chi tiết số thu dự kiến được tổng hợp tại Phụ lục dự kiến nguồn thu phí hạ tầng cảng biển kèm theo Đề án)

Nguồn thu phí dự kiến tiếp tục tạo nguồn lực cho ngân sách thành phố để đầu tư, xây dựng, cải tạo, nâng cấp, quản lý, duy tu, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông kết nối cảng biển, các công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng.

V. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Bảo đảm tính ổn định, liên tục của chính sách

Chính sách thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng đã được triển khai thực hiện từ năm 2017 và từng bước được hoàn thiện qua các giai đoạn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động xuất nhập khẩu và yêu cầu quản lý nhà nước của thành phố.

Việc tiếp tục thực hiện chính sách trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành, giữ nguyên mức thu, đối tượng áp dụng, phương thức thu, nộp và các trường hợp miễn, giảm phí đang được áp dụng sẽ bảo đảm tính ổn định, liên tục của chính sách; không làm phát sinh nghĩa vụ tài chính mới đối với tổ chức, cá nhân nộp phí, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh.

2. Tạo nguồn lực cho đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển

Nguồn thu từ phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển góp phần bổ sung nguồn lực cho ngân sách thành phố để đầu tư, nâng cấp, quản lý, duy tu, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông kết nối cảng biển và các công trình phục vụ hoạt động cảng biển.

Việc duy trì nguồn thu ổn định từ chính sách phí góp phần nâng cao năng lực khai thác hệ thống cảng biển Hải Phòng, cải thiện điều kiện vận chuyển hàng hóa, hỗ trợ phát triển dịch vụ logistics, nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố trong vai trò trung tâm logistics của khu vực phía Bắc.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong tổ chức thu phí

Chính sách thu phí được thực hiện ổn định trong thời gian qua đã tạo cơ sở để hoàn thiện phương thức quản lý, tổ chức thu theo hướng công khai, minh bạch, thuận tiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ nộp phí.

Việc tiếp tục duy trì các phương thức thu, nộp đã triển khai, kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin, thanh toán điện tử, kết nối và đối soát dữ liệu với các

cơ quan, đơn vị liên quan góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thu, giảm thời gian thực hiện thủ tục và tăng tính minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, hoàn thiện Đề án; tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng theo quy định.

Sở Tài chính phối hợp tham gia ý kiến về các nội dung liên quan đến mức thu, miễn, giảm phí, quản lý và sử dụng nguồn thu, kinh phí phục vụ công tác tổ chức thu phí và các nội dung liên quan đến tài chính, ngân sách nhà nước; thực hiện thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Đề án; cung cấp thông tin, số liệu, tham gia ý kiến đối với các nội dung có liên quan; phối hợp triển khai thực hiện sau khi Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố được ban hành và Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện.

2. Dự kiến thời gian trình thông qua

Ủy ban nhân dân thành phố dự kiến trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, thông qua Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng tại kỳ họp thường lệ cuối năm của Hội đồng nhân dân thành phố./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để b/c);
- Ban KT&NS HĐND TP;
- Sở: Tài chính, Công thương, Tư pháp;
- Đ/c Trưởng Thuế TP (để b/c);
- Lưu: VT, CNTT (10b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Tuấn

Phụ lục

DỰ KIẾN NGUỒN THU PHÍ HẠ TẦNG CẢNG BIỂN

(Kèm theo Đề án quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng)

1. Cơ sở tính toán

- Dự kiến nguồn thu được xác định trên cơ sở sản lượng hàng hóa thuộc đối tượng chịu phí, mức thu tương ứng đối với từng nhóm hàng hóa theo phương án tại Đề án;

- Sản lượng dự kiến được ước tính dựa vào số liệu bình quân thực tế về sản lượng hàng hóa trên Hệ thống quản lý thu phí (giai đoạn 2020-2026), được đối chiếu với số liệu của cơ quan Hải quan và các cơ quan, đơn vị liên quan.

2. Dự kiến nguồn thu

STT	Loại hàng hóa	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Sản lượng dự kiến	Số thu dự kiến (triệu đồng)
I	Hàng tạm nhập tái xuất, hàng chuyển khẩu, hàng gửi kho ngoại quan				120.797,9
1	Container 20 feet hàng khô	đồng/cont	2.200.000	8.145	17.919,9
2	Container 40 feet hàng khô	đồng/cont	4.400.000	6.448	28.373
3	Container 20 feet hàng lạnh	đồng/cont	2.300.000	25	58,4
4	Container 40 feet hàng lạnh	đồng/cont	4.800.000	9.952	47.769,6
5	Hàng lỏng, hàng rời	đồng/tấn	50.000	533.540	26.677
II	Hàng quá cảnh, hàng chuyển khẩu				3.689,9
1	Container 20 feet	đồng/cont	500.000	1.106	552,8
2	Container 40 feet	đồng/cont	1.000.000	2.522	2.521,6
3	Hàng đóng trong container nhưng nhiều chủ hàng (đóng ghép)	đồng/tấn	50.000	-	-
4	Hàng rời (không đóng trong container)	đồng/tấn	2.000	307.754	615,5
III	Hàng hóa nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu				1.346.524,6
1	Container 20 feet	đồng/cont	250.000	1.107.510	276.877,6
2	Container 40 feet	đồng/cont	500.000	1.856.255	928.127,5
3	Hàng lỏng, hàng rời	đồng/tấn	16.000	8.844.967	141.519,5
IV	Số giảm phí cho hàng hóa vận chuyển bằng đường thủy nội địa trung bình hàng năm				14.697
TỔNG CỘNG (I+II+III-IV)					1.470.997,6